

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
Xã Hiệp Thành-Huyện Gò Dầu-Tỉnh Tây Ninh

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-HTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH quý 4 năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY		NĂM TRƯỚC	
			QUÝ BÁO CÁO	LŨY KẾ	QUÝ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	311.629.962.045	757.981.620.063	189.482.954.905	440.322.546.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01 - 02)	10		311.629.962.045	757.981.620.063	189.482.954.905	440.322.546.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	161.534.597.477	440.838.024.920	129.478.393.811	289.590.961.057
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		150.095.364.568	317.143.595.143	60.004.561.094	150.731.585.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	9.011.781.706	33.034.334.151	10.562.877.329	14.428.416.194
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	973.339.075	3.032.229.700	345.470.012	2.375.181.708
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		615.557.263	2.674.447.888	345.470.012	2.375.181.708
8. Chi phí bán hàng	24		3.212.276.409	7.454.533.339	2.050.323.924	4.219.060.243
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.072.488.644	57.158.207.082	8.222.588.251	21.288.501.386
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ KD [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		130.849.042.146	282.532.959.173	59.949.056.236	137.277.257.908
11. Thu nhập khác	31		1.097.125.763	23.795.970.698	13.245.586.908	36.313.809.255
12. Chi phí khác	32		53.836.037	9.698.775.989	2.462.185.561	11.142.278.769
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.043.289.726	14.097.194.709	10.783.401.347	25.171.530.486
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		131.892.331.872	296.630.153.882	70.732.457.583	162.448.788.394
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	11.516.533.040	29.761.736.030	4.022.616.136	4.022.616.136
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		120.375.798.832	266.868.417.852	66.709.841.447	158.426.172.258
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4.013	8.896	2.224	5.281

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN NGỌC ẮN

Trần Văn Vĩnh